TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2019
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Viết Thanh.

Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Lê Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị Phương Hồng T, sinh năm 1993 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Đỗ Văn B, sinh năm 1988 (có mặt).
Địa chỉ: Số 230, tổ 1, ấp 4, xã M, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21-02-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Đỗ Văn B chung sống với nhau từ năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn. Qua thời gian vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, chị và anh B đã cố gắng tìm cách để hàn gắn nhưng không được, anh B đã nhiều lần

làm mất danh dự, sỉ diện và không tôn trọng chị ở trước đông người nên chị đã trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ 04 tháng năm 2018 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng còn, vì vậy chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đổ Văn B.

Về nuôi con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản ý kiến ngày 2/4/2019 và tại đơn khởi kiện ngày 02/4/2019 bị đơn anh Đổ Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thị Phương Hồng T chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay, không có đăng ký kết hôn. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh và T có 06 chỉ vàng 24 kara (9999) nữ trang vàng cưới gồm 01 sợi dây chuyền, 01 lắc tay và 01 đôi bông. Hiện do chị T quản lý sử dụng. Anh B yêu cầu chị T giao lại cho anh 03 chỉ 24 kara (9999).

Về nợ chung: Không có.

Ngày 08/4/2019 anh B có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, để anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 09/4/2019 và tại phiên tòa hôm nay chị T và anh B thống nhất tự thỏa thuận đối với phần tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương Hồng T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Đổ văn B có địa chỉ tại xã M, thành phố L, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị T và anh B chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là có thật, đã được các đương sự thừa nhận.

Tại phiên tòa chị T trình bày là chị và anh Đổ Văn B chung sống với nhau vào năm 2018 nhưng đến khoảng tháng 4 năm 2018 chị trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B. Đối với anh B thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phương Hồng T.

Xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B không tuân thủ về đăng ký kết hôn mà luật Hôn nhân và gia đình đã quy định. Vì vậy, khi chị T có yêu cầu xin ly hôn, mặc dù anh B cũng đồng ý ly hôn nhưng do việc kết hôn giữa chị T và anh B không đăng ký theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi vì, Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình quy định "1. *Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý ...".

Do đó, Không công nhận chị Nguyễn Thị Phương Hồng T và anh Đổ Văn B là vợ chồng do không đăng ký kết hôn.

[4] Về nuôi con chung: Tại phiên tòa chị T và anh B thống nhất xác định không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Đối với yêu cầu của anh Đổ Văn B, mặc dù tại đơn khởi kiện đề ngày 02-4-2019 anh B đã yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu chị T giao lại cho anh 03 chỉ Vàng 24kara (9999) vàng cưới, nhưng đến ngày 08-4-2019 anh B có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu này. Tại phiên tòa chị T và anh B đều thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh B; nếu sau này anh B khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác. Anh B không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí mà chị đã nộp. Anh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Anh B được nhận lại 300.000 đồng mà anh đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận vợ chồng đối với chị Nguyễn Thị Phương Hồng T với anh Đổ Văn B.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Chị T và anh B thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh Đổ Văn B.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0005294 ngày 07/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Chị T đã nộp xong tiền án phí.

Anh Đổ Văn B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Anh B được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0005423 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh T.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Thị Thơm

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Đoan Hùng – Bùi Thị Hoàng **HuỳnhThị Thơm**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Thị Thơm

"***Để thi hành***"
TP. Cao Lãnh, ngày 00 tháng 00 năm 2017

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- THADS TP CL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Thơm

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSNDTPCL;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ VA.

Huỳnh Thị Thơm